

Hòa giải trong việc giải quyết các vụ việc về hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam

Trần Công Thịnh*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 06 tháng 01 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 26 tháng 02 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2015

Tóm tắt: Hòa giải là hình thức giải quyết tranh chấp dân sự nói chung và hôn nhân gia đình nói riêng được quy định khá cụ thể, chi tiết trong Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hòa giải giúp các bên tiết kiệm được nhiều thời gian, công sức, chi phí trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự. Tuy nhiên thực tiễn áp dụng các quy định về hòa giải trong BLTTDS cũng đã bộc lộ một số hạn chế cần được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung để giúp cho quá trình giải quyết các vụ việc về hôn nhân và gia đình nói riêng cũng như các vụ việc dân sự nói chung đạt hiệu quả cao hơn.

Từ khóa: Hòa giải, hôn nhân gia đình, Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Đặt vấn đề

Hòa giải là hình thức giải quyết tranh chấp dân sự nói chung và hôn nhân gia đình nói riêng đã xuất hiện từ lâu trong đời sống xã hội cũng như trong thực tiễn xét xử. Có thể nói, khi con người có tranh chấp thì đã biết cách áp dụng các biện pháp thương lượng, hòa giải với nhau để chấm dứt các bất đồng phát sinh, đặc biệt trong mối quan hệ hôn nhân và gia đình – mối quan hệ mà giữa các thành viên trong gia đình được gắn bó chặt chẽ với nhau dựa trên quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng.

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường một mặt đã đem lại những đã tác động tích cực đến các gia đình và xã hội: đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao, thu nhập của người dân được cải thiện... nhưng mặt trái của nó là ảnh hưởng không nhỏ đến đạo đức, đến lối sống của không ít chủ thể trong xã hội, làm tha hóa, biến chất về đạo đức của một bộ phận người; tạo ra lối sống, suy nghĩ và cách hành xử “đầy mùi tiền” trong rất nhiều người. Có thể nói đôi lúc sự tác động của đồng tiền đã làm lu mờ [1] đi truyền thống đạo đức, các giá trị tinh thần tốt đẹp của gia đình, trong nhiều trường hợp dẫn đến tình cảnh gia đình mâu thuẫn, ly tán, con xa cha mẹ, anh chị em hục hặc đánh đập lẫn nhau... Kết quả là hàng năm các tranh chấp về hôn nhân và gia đình, các vụ án ly hôn được giải quyết tại Tòa án gia tăng không ngừng.

* ĐT.: 84-912251686

Email: trancongthinh1686@gmail.com

Các quy định về hòa giải các vụ việc về hôn nhân và gia đình được quy định khá đầy đủ, chi tiết trong Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19/06/2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015) và các văn bản dưới luật có liên quan. Hoạt động hòa giải tại Tòa án giúp các bên tiết kiệm được thời gian, công sức, chi phí tiền bạc; giúp thăm phán nắm bắt, hiểu rõ hơn tâm tư nguyện vọng của các đương sự; giúp các đương sự hàn gắn mối quan hệ vốn đã rạn nứt; đặc biệt trong quan hệ hôn nhân và gia đình, hòa giải thành làm cho sự đoàn kết, thương yêu nhau giữa các thành viên trong gia đình tiếp tục được duy trì và phát triển, tránh được những sự việc đáng tiếc có thể phát sinh trong gia đình, tháo gỡ được tâm lý nặng nề, tình trạng đối đầu giữa họ...

Tuy nhiên trên thực tế, một số quy định về hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự thời gian qua cũng đã bộc lộ những bất cập nhất định, phần nào ảnh hưởng đến chất lượng công tác hòa giải của Tòa án cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ hôn nhân và gia đình. Chính vì vậy, việc nghiên cứu nhằm hoàn thiện các quy định về hòa giải trong việc giải quyết các vụ việc về hôn nhân và gia đình nói riêng cũng như trong tố tụng dân sự nói chung là vấn đề hết sức cần thiết.

2. Nội dung và thủ tục hòa giải vụ việc hôn nhân và gia đình theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam

Các tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định chi tiết tại Điều 27 Bộ luật TTDS sửa đổi bổ sung 2011 [2].

1. Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

2. Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

3. Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

4. Tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha mẹ.

5. Tranh chấp về cấp dưỡng.

6. Các tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình mà luật có quy định.

Các yêu cầu về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật TTDS sửa đổi bổ sung 2011 [2].

1. Yêu cầu về việc hủy kết hôn trái pháp luật.

2. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

3. Yêu cầu công nhận sự thỏa thuận về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

4. Yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

5. Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi.

6. Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định về hôn nhân và gia đình của Tòa án nước ngoài hoặc không công nhận bản án, quyết định về hôn nhân và gia đình của Tòa án nước ngoài mà không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.

7. Các yêu cầu khác về hôn nhân và gia đình mà pháp luật có quy định.

Về nguyên tắc, khi các đương sự có đơn khởi kiện hoặc đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các tranh chấp cũng như các việc hôn nhân và gia đình (được Tòa án thụ lý) thì Tòa án đều phải tiến hành hoạt động hòa giải trong quá trình giải quyết vụ việc. Điều này được ghi nhận tại Điều 10 BLTTDS: “Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ

luật này” [2]. Nói cách khác, hòa giải là thủ tục bắt buộc mà Tòa án phải tiến hành khi giải quyết vụ việc dân sự, trừ một số trường hợp luật định.

2.1. Thủ tục hòa giải đối với các tranh chấp về hôn nhân và gia đình

Trong phạm vi bài viết của mục 2.1 này, tác giả chỉ xin đề cập đến thủ tục hòa giải vụ án ly hôn bởi lẽ án ly hôn là án chiếm số lượng lớn nhất trong các án về hôn nhân và gia đình, ngoài ra thủ tục hòa giải vụ án ly hôn về cơ bản cũng giống như thủ tục hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình.

2.1.1. Hòa giải vụ án ly hôn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử

Khoản 8 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân do Tòa án công nhận hoặc quyết định theo yêu cầu của vợ hoặc chồng hoặc của cả hai vợ chồng” [3]. Khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án” [4].

Như vậy, ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Quyền yêu cầu ly hôn nhằm chấm dứt quan hệ vợ chồng trước pháp luật là quyền nhân thân gắn liền với nhân thân của vợ, chồng cho nên một trong hai vợ chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu ly hôn nhằm chấm dứt quan hệ hôn nhân. Khi giải quyết vụ án ly hôn, Tòa án giải quyết các quan hệ có tranh chấp là: quan hệ nhân thân, quan hệ tài sản, quan hệ với con. Qua việc tiến hành thủ tục hòa giải, Tòa án tìm hiểu có hay không có sự mâu thuẫn giữa vợ và chồng; nguyên nhân mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn, điều kiện, hoàn cảnh, nghề nghiệp, tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của

các bên. Khi tiến hành hòa giải, Thẩm phán cần giải thích các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các bên. Bên cạnh đó, Thẩm phán cũng cần kết hợp với việc giải quyết những vướng mắc trong tâm tư, tình cảm của các bên.

Vụ án ly hôn khác so với những vụ án dân sự bình thường khác bởi lẽ nó có đặc thù riêng. Nếu như khi giải quyết một tranh chấp dân sự thông thường thì hậu quả thường chỉ phát sinh với một hoặc hai bên đương sự trong khi đó ở vụ án ly hôn, hậu quả của việc ly hôn đặt ra cho các bên đương sự không ít các vấn đề cần giải quyết như quan hệ hôn nhân, quan hệ giữa cha mẹ với con, quan hệ tài sản giữa vợ chồng và như vậy có thể có nhiều chủ thể khác cũng phải gánh chịu hậu quả của việc ly hôn.

Mục đích tiến hành thủ tục hòa giải vụ án ly hôn là để hòa giải đoàn tụ, không phải để các đương sự ly hôn. Nếu hòa giải thành, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ thành, sau đó ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm đ khoản 1 Điều 192 BLTTDS. Nếu hòa giải không thành, bên bị đơn cũng đồng ý ly hôn thì Tòa án lập biên bản hòa giải không thành, sau đó Tòa án tiến hành hòa giải các quan hệ khác có liên quan như con cái, tài sản, cấp dưỡng nuôi con... Nếu các đương sự chỉ thỏa thuận được với nhau một hoặc một số quan hệ như tài sản, nuôi con thì Tòa án sẽ lập biên bản ghi nhận, các quan hệ còn lại chưa thỏa thuận được thì Tòa án sẽ giải quyết bằng phiên tòa xét xử.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án ly hôn, Tòa án bắt buộc phải tiến hành thủ tục hòa giải. Tính chất bắt buộc ở đây là Tòa án có trách nhiệm phải chủ động tiến hành thủ tục hòa giải dù việc hòa giải thành có khả quan hay không. Nếu Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải sẽ bị coi như vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự và đây là căn cứ để bản án, quyết định ly hôn bị kháng cáo hoặc kháng nghị ở cấp

phúc thẩm hoặc bị kháng nghị theo trình tự, thủ tục giám đốc thẩm (Khoản 2 Điều 277, Khoản 3 Điều 299 BLTTDS).

2.1.2. Hòa giải vụ án ly hôn tại phiên tòa sơ thẩm

Trước khi đưa vụ án dân sự (dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động) ra xét xử, Thẩm phán phụ trách việc giải quyết vụ án phải tiến hành hòa giải cho các đương sự nên tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử sẽ không phải tiến hành lại thủ tục hòa giải nữa mà chỉ hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau hay không. Điều 220 BLTTDS quy định: “*Chủ tọa phiên tòa hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không. Trong trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc giải quyết vụ án. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc giải quyết vụ án có hiệu lực pháp luật*” [2].

Như vậy, nếu các đương sự tự hòa giải, thỏa thuận được với nhau thì Tòa án không phải lập biên bản hòa giải thành, tương tự là nếu các đương sự không tự hòa giải, thỏa thuận được với nhau thì Tòa án không phải lập biên bản hòa giải không thành mà Tòa án chỉ có hay không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

2.1.3. Hòa giải vụ án ly hôn tại cấp phúc thẩm

Theo quy định của BLTTDS, hòa giải ở cấp phúc thẩm có một số điểm khác biệt, cụ thể là:

Thứ nhất: BLTTDS không quy định trách nhiệm tiến hành thủ tục hòa giải của Tòa án trước khi mở phiên tòa phúc thẩm. Điều 258 BLTTDS quy định trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thụ lý vụ án, tùy từng trường hợp, Tòa

án cấp phúc thẩm ra một trong số các quyết định [2]:

- Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án
- Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm

Với quy định này, Tòa án cấp phúc thẩm không phải hòa giải trước khi mở phiên tòa phúc thẩm. Trong trường hợp trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tự hòa giải đoàn tụ thành và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của họ, thì Tòa án yêu cầu các đương sự phải làm văn bản ghi rõ nội dung thỏa thuận và nộp cho cấp phúc thẩm để đưa vào hồ sơ vụ án. Văn bản này được coi như chứng cứ mới bổ sung. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi lại các đương sự về thỏa thuận của họ là có tự nguyện hay không và xem xét thỏa thuận đó có trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội hay không; nếu thỏa thuận của họ là tự nguyện, không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội, thì Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thảo luận và ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Thứ hai: tại phiên tòa phúc thẩm, việc tiến hành thủ tục hòa giải không bắt buộc. Nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì thỏa thuận này phải được ghi vào biên bản phiên tòa. Nếu xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái pháp luật, đạo đức xã hội, thì Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thảo luận và ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

2.2. Thủ tục hòa giải đối với các yêu cầu về hôn nhân và gia đình

Mặc dù trong phần thứ năm của BLTTDS (Thủ tục giải quyết việc dân sự) không quy định

minh thị, rõ ràng về thủ tục hòa giải cho việc dân sự. Tuy nhiên căn cứ vào quy định tại Điều 311 BLTTDS: “*Tòa án áp dụng những quy định của Chương này, đồng thời áp dụng những quy định khác của Bộ luật này không trái với những quy định của Chương này để giải quyết những việc dân sự quy định tại các khoản 1,2,3,4,6,7 và 8 Điều 26, các khoản 1,2,3,4,5, và 7 Điều 28, khoản 1 và khoản 4 Điều 30, khoản 3 Điều 32 của Bộ luật này*” [2].

Ngoài ra, ngay tại Điều 10 BLTTDS cũng quy định rất cụ thể về trách nhiệm hòa giải của Tòa án: “*Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này*” [2].

Từ các căn cứ nêu trên, có thể thấy, thủ tục hòa giải cũng được áp dụng trong quá trình giải quyết việc dân sự. Chỉ có điều những việc hôn nhân và gia đình nào phải tiến hành hòa giải, những việc nào không phải tiến hành hòa giải, những việc nào không được hòa giải hoặc không thể hòa giải thì BLTTDS lại không quy định cụ thể; trên thực tế thì Tòa án nhân dân tối cao cũng chưa có các hướng dẫn chi tiết cho vấn đề này. Hệ quả là sẽ có nhiều cách hiểu khác nhau, gây lúng túng, khó khăn cho chính các Tòa án trong quá trình giải quyết việc dân sự..

3. Thực tiễn hòa giải vụ việc ly hôn tại Tòa án – Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện

Thứ nhất: Về vấn đề hòa giải tại phiên tòa sơ thẩm

Theo Điều 220 BLTTDS nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc giải quyết

vụ án. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc giải quyết vụ án có hiệu lực pháp luật và các bên không được kháng cáo.

Tuy nhiên trong nhận thức về vấn đề này, hiện nay có các quan điểm khác nhau dẫn đến lúng túng trong quá trình áp dụng pháp luật. Có quan điểm cho rằng khi quyết định đưa vụ án ra xét xử thì kết quả của việc xét xử phải là việc Tòa án ra bản án, quyết định; trong bản án, quyết định có thể ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Quan điểm khác lại cho rằng khi các đương sự thỏa thuận hòa giải thì Tòa án phải hoãn phiên xử, lập biên bản hòa giải thành. Nếu sau bảy ngày các đương sự không có ý kiến khác hoặc không có phản đối thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Chúng tôi cho rằng quy định như Điều 220 BLTTDS hiện hành là hợp lý và không đồng tình với cả hai quan điểm nêu trên. Nếu hiểu theo quan điểm thứ nhất khi các đương sự thỏa thuận được với nhau thì Tòa án vẫn ra bản án, quyết định (trong đó có ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự); hiểu như vậy là đã không đề cao ý chí tự nguyện, thống nhất của các bên; mặt khác nếu đã ra bản án sơ thẩm thì theo quy định của pháp luật, bản án vẫn có thể bị kháng cáo hoặc kháng nghị trong thời hạn luật định, điều này làm mất đi tính chất của quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Còn nếu hiểu theo cách thứ hai thì Tòa án phải hoãn phiên xử, lập biên bản hòa giải thành. Nếu sau bảy ngày các đương sự không có ý kiến khác hoặc không có phản đối thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay. Hiểu theo cách này cũng không đúng vì ở đây có thể chưa cần có hoạt động hòa giải của Thẩm phán thì các bên đã thỏa thuận được rồi (Thẩm phán

chỉ phải bắt buộc tiến hành hòa giải ở giai đoạn chuẩn bị xét xử), và do không có hoạt động hòa giải thì lẽ đương nhiên Thẩm phán không thể lập biên bản hòa giải thành. Ngoài ra nếu phải chờ sau bảy ngày nếu các đương sự không có ý kiến khác hoặc không phản đối thì Tòa án mới ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự thì lại làm kéo dài thời gian giải quyết vụ việc. Do vậy, quy định tại Điều 220 BLTTDS là hoàn toàn hợp lý. Vấn đề ở đây có lẽ là Tòa án nhân dân tối cao nên có sự hướng dẫn, giải thích về quy định tại Điều 220 BLTTDS để có sự thống nhất trong quá trình giải quyết vụ án về hôn nhân và gia đình.

Thứ hai: Về việc ủy quyền của đương sự trong việc tham gia thủ tục hòa giải vụ án ly hôn

Theo quy định tại khoản 3 Điều 73 BLTTDS thì người đại diện theo ủy quyền được quy định trong Bộ luật Dân sự 2005 là người đại diện theo ủy quyền trong tổ tụng dân sự; đối với việc ly hôn, đương sự không được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng. Như vậy, theo quy định thì vụ án ly hôn, đương sự không có quyền ủy quyền cho người khác thay mặt mình trong tố tụng. Điều này dẫn đến một bất cập sau:

Nếu khối tài sản chung của vợ chồng cần chia nằm trong khối tài sản chung của cha mẹ chồng thì Tòa án sẽ phải triệu tập cha mẹ của đương sự đến Tòa án tham gia tố tụng. Nhưng có thể do tuổi cao, sức yếu hoặc do ốm đau bệnh tật mà cha mẹ chồng của đương sự không thể đến tham gia buổi hòa giải và ông bà muốn ủy quyền cho người khác thay mình tham gia tố tụng thì theo luật định, Tòa án sẽ không chấp thuận và phải hoãn phiên hòa giải lại.

Chúng tôi cho rằng, khi Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải vụ án ly hôn thì chỉ nên quy định không được ủy quyền trong việc hòa giải quan hệ nhân thân, còn quan hệ tài sản các

đương sự vẫn được ủy quyền thì sẽ hợp lý hơn, tạo điều kiện tốt hơn cho các đương sự trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; tránh kéo dài thời gian giải quyết vụ án không đáng có.

Thứ ba: Việc tiến hành thủ tục hòa giải với trường hợp đặc biệt

Đối với trường hợp cá biệt như người vợ có đơn ly hôn vì lý do bị chồng bạo hành, đánh đập quá tàn tệ hoặc người chồng có hành vi vi phạm pháp luật hình sự nghiêm trọng khác đối với người vợ đến mức người chồng bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu kết hợp với các chứng cứ khác mà Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, chứng minh được những hành vi thô bạo của người chồng đã làm tổn hại nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần của người vợ nên việc hòa giải sẽ khó hoặc không đạt được kết quả; việc tiến hành thủ tục hòa giải vụ án ly hôn đó sẽ không những không thể giúp các đương sự hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau, trái lại, có thể dẫn đến những hệ lụy không tốt. Chính vì vậy, BLTTDS nên có quy định theo hướng nếu xét thấy việc tiến hành hòa giải là bất hợp lý và biết trước thái độ kiên quyết không muốn đoàn tụ của một bên đương sự thì Tòa án cũng có thể không tiến hành hòa giải.

Thứ tư: Việc tiến hành thủ tục hòa giải các yêu cầu về dân sự

Việc dân sự là giữa các bên chủ thể tuy không có tranh chấp với nhau nhưng có yêu cầu Tòa án công nhận hoặc không công nhận một sự kiện pháp lý là căn cứ làm phát sinh, chấm dứt các quyền, nghĩa vụ dân sự hoặc yêu cầu Tòa án công nhận cho mình một quyền dân sự.

Do trong việc dân sự không phát sinh tranh chấp giữa các bên nên về nguyên tắc Tòa án sẽ không phải tiến hành hòa giải. Tuy nhiên thực tiễn xét xử cho thấy có những yêu cầu vẫn cần

có sự hòa giải của Tòa án. Ví dụ trong yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, cho dù cả hai vợ chồng không có tranh chấp nhưng vẫn cần tiến hành thủ tục hòa giải. Trên thực tế, rất có thể sau khi nghe Thẩm phán chủ tọa phân tích các ý nghĩa, giá trị tốt đẹp của hòa giải, các bên lại thay đổi lại suy nghĩ và quan điểm của mình và mong muốn đoàn tụ vì nghĩ tới con cái, nghĩ tới hậu quả sẽ xảy ra đối với con trẻ khi cha mẹ ly hôn... Như vậy nếu hòa giải đoàn tụ thành trong yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, sẽ đem lại nhiều lợi ích không chỉ cho vợ chồng, con trẻ mà suy rộng ra còn góp phần tạo ra sự ổn định, hòa thuận trong các gia đình và xã hội.

Chính vì vậy, rất cần có những hướng dẫn cụ thể của Tòa án nhân dân tối cao là việc dân sự nào là việc mà Tòa án bắt buộc phải tiến hành hoà giải; việc dân sự nào là việc Tòa án không phải hòa giải và không thể tiến hành hòa giải được.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Văn Duy – Thủ tục hòa giải vụ việc hôn nhân và gia đình, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
- [2] Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung 2011.
- [3] Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.
- [4] Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mediation in Solving Family Matters According to the Vietnam's Civil Procedure Code

Trần Công Thịnh

VNU School of law, Hanoi, 114 Xuân Thủy Street, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: Mediation is a method of solving civil disputes in general and family disputes in particular which is defined in details in the Vietnam's Civil procedure Code. Mediation activities can help parties saving time, efforts and costs in the process of handling civil matters. However, practical application of the mediation rules has revealed some limitations which should be researched to amend and supplement so as to get more effective results in the process of solving civil disputes in general and family disputes in particular.

Keywords: Mediation, Family Law, Civil Procedure Code.